**THƠ VỊNH QUẠT CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI**

**TỪ GÓC NHÌN ĐỐI CHIẾU**

Trong dòng chảy của văn học trung đại, Hồ Xuân Hương thực sự đã trở thành huyền thoại. Được người đương thời xưng tụng là “thiên tài”,”kì nữ”, nàng Cổ Nguyệt là một trong những người phụ nữ hiếm hoi có được cái can đảm đua tranh với đời, buộc thế nhân phải thừa nhận mình. Xuân Hương ý thức về bản thân mình theo một cách rất riêng. Bà từng dõng dạc mà ứng khẩu:

*Giơ tay với thử trời cao thấp*

*Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài*

hay cảm thán:

*Ví đây đổi phận làm trai được*

*Thì sự anh hùng há bấy nhiêu*

(Đề đền Sầm Nghi Đống)

Có lẽ, chính cái khát khao hoán đổi thân phận (giới tính) này là một điểm nối giữa Xuân Hương và thi sĩ Á Nam. Cả hai đều không giới hạn mình trong giới tính của cá nhân mà nỗ lực để đứng vào vị trí một giới tính khác. Trong bài thơ Gánh nước đêm, Á Nam đã mượn lời cô gái để thán chuyện non sông:

*Em bước chân ra, con đường xa tít, non sông mù mịt*

*Bên vai kĩu kịt, nặng gánh em trở ra về...*

Trong loạt bài thơ về anh Khóa như Tiễn chân anh Khóa xuống tàu, Mong anh Khóa, Gửi thư cho anh Khóa, Mừng anh Khóa về, tác giả gần như đã quên mất thân phận thật của mình để toàn tâm toàn ý nhập vai.

Ngoài những thời điểm nhập vai, đổi vai, mượn vai, thì Xuân Hương và Á Nam đều là những nhân cách đặc biệt. Ngay cả khi họ quay trở về đúng với vai của mình, tiếng thơ của họ vẫn cứ bật lên những thanh âm ưu trội, khác biệt. Khi vào vai một người phụ nữ, Xuân Hương đầy đặn đến không thể đầy đặn hơn. Khi cất lên tiếng lòng của thân nam nhi trong thời loạn thế, Á Nam đã viết nên những dòng thơ mà Xuân Diệu đánh giá là “có tính tự phóng xạ”, “nóng ấm vượt thời gian” (1). Điều này thể hiện khá rõ qua chùm thơ Vịnh quạt.

Trong dòng thơ ngâm vịnh từ xưa đến nay, cái quạt không phải là đề tài hiếm lạ, nhưng đẩy sự miêu tả đến hai cực gần như đối lập nhau theo cách của Hồ Xuân Hương và Á Nam lại là điều thú vị cần xem xét. Rõ ràng, một thực thể lại có 2 khuôn mặt hoàn toàn khác biệt do được sao chụp từ những góc nhìn khác nhau, dưới những cảm quan khác nhau. Với Hồ Xuân Hương, cái quạt là một phương thức hiển lộ niềm tự hào về sức hấp dẫn giới tính, từ đó bật lên cách nhìn trần trụi đến sắc sảo về xã hội phong kiến cũ. Với Á Nam Trần Tuấn Khải, cái quạt lại là sự minh định trách nhiệm thiêng liêng cùng tinh thần xả thân quên mình vì đất nước. Xuân Hương dùng thứ ngôn ngữ nôm na với hệ thống từ chủ yếu thuộc kho từ thuần Việt, trong khi thi sĩ Á Nam lại nghiêng về lối diễn đạt trang trọng, sử dụng nhiều từ Hán Việt. Xuân Hương hồn nhiên, tươi trẻ, đầy sức sống, Á Nam lại điển phạm, nhiệt huyết.

Điểm chung giữa hai nhà thơ chính là việc tôn trọng và mô tả một cách hết sức chân thực hình dạng, công năng của cái quạt, khiến cho người đọc luôn có cảm giác mình bị “đánh tráo” giữa hai đối tượng song hành: một cái quạt theo nghĩa đen và cái còn lại thành hình trong sự mường tượng của độc giả.

**1. Cái quạt qua những nét phác thảo chung**

**1.1. Hình dạng**

Ở những bước quan sát ban đầu, hẳn là xuất phát từ bản tính tỉ mỉ riêng có của phụ nữ, Xuân Hương tỏ ra thấu đáo, chi tiết hơn khi đặc tả cấu tạo của quạt qua những cụm từ như “chành ba góc”, “cắm một cay”, “một lỗ xâu”, “mười bảy hay là mười tám” (nan quạt), “cậy”, “dính dán”. Hình dung của độc giả về chiếc quạt giấy được khơi gợi từng bước theo sự dẫn dắt của Xuân Hương, cho đến khi hiện lên rõ mồn một. Từ một cái lỗ được dùi để xâu thành chuỗi nan quạt chắc chắn (tùy loại quạt mà số lượng xâu khác nhau) cho đến từng cái nan quạt được chuốt, ghép lại, đục lỗ rồi xâu và vít chắc thành chuôi quạt. Tiếp đến là phết hồ lên nan quạt, dán giấy, tạo thành mặt phẳng co giãn được. Như một người thợ thủ công lành nghề, Xuân Hương dùng ngôn ngữ để tạo nên một cái quạt trong không gian tưởng tượng của người đọc. Điều đáng nói là nhà thơ không chỉ tường tận về hình dạng quạt mà còn tinh tế chú ý đến phương thức làm quạt, những đặc điểm của quạt khi gấp/mở: “Chành ra ba góc da còn thiếu/Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa”.

Khác với Xuân Hương, thi sĩ Á Nam miêu tả cái quạt theo hướng phác thảo, tượng trưng bằng những cụm từ mang nét nghĩa chung, gợi nhiều hơn tả thực: “mảnh lông hồng”, “mảnh tiên khép mở”, “vầng nguyệt chia phôi”....Rõ ràng, nếu đối sánh hai phương thức phác họa, Xuân Hương thật và tinh, còn Á Nam nho nhã, thanh tao. Xuân Hương đi vào những chi tiết vụn, nhỏ trong khi Á Nam nhìn trên tổng thể. Xuân Hương mượn đến những từ thuần Việt, diễn đạt không tô chuốt, điểm trang, Á Nam lại sử dụng những cụm từ có yếu tố Hán Việt, diễn đạt theo lối bay bổng, sang trọng.

Rõ ràng, sự khác biệt giới tính và ý hướng nghệ thuật đã tạo nên sự khác biệt dễ nhận thấy. Luôn khao khát tình yêu nhưng chưa một lần hạnh phúc trọn vẹn, vì thế, trong Xuân Hương luôn thấp thoáng một gương mặt phụ nữ thật buồn:

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh*

*Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn*

Một người phụ nữ từng đi qua những đêm thăm thẳm “trơ cái hồng nhan với nước non”, từng phẫn uất “chém cha cái kiếp lấy chồng chung”, từng chua chát “cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm/cầm bằng làm mướn, mướn không công”, hẳn sẽ khao khát nhiều hơn, mong mỏi nhiều hơn. Cho nên, người đọc sẽ không cảm thấy ngạc nhiên khi Xuân Hương có thể tìm thấy những ám ảnh tính giao ngay từ những yếu tố hầu như không mấy liên quan như nan quạt, chuôi quạt, chất dán quạt....Còn thi sĩ Á Nam, lấp đầy tâm trí thứ cảm xúc ưu thời mẫn thế, chỉ xem hình thái chiếc quạt như điểm gợi nhắc những lẽ riêng chung. Nhà thơ không chú tâm miêu tả kĩ mà chỉ xem đó là phương tiện chuyên chở cái khí khái ngút trời của mình. Với tâm thế như vậy, chiếc quạt của phu nhân tri phủ Vĩnh Tường thì sống động, hoạt sắc sinh hương mà chiếc quạt của Á Nam thì mô phạm, mang hơi hướng chữ nghĩa thánh hiền. Chiếc quạt của Xuân Hương dẫu có “chành ra ba góc” cũng vẫn chỉ là chiếc quạt nhỏ “nâng niu” trong lòng bàn tay, còn chiếc quạt của Á Nam là chiếc quạt càn khôn, có thể mở ra “lưng túi kinh luân”, có thể chứa cả “tấm lòng viêm nhiệt”. Thành ra, cái quạt của Xuân Hương là cái quạt tả chân theo đúng cái cách mà bà vẫn thường miêu tả quả mít (vỏ nó xù xì múi nó dày), con ốc (đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi), cái giếng, cái khung cửi...còn cái quạt của Á Nam lại là cái quạt được miêu tả theo hướng phác thảo, như cách mà người ta vẫn vẽ những bức tranh thủy mặc. Người đọc sẽ chỉ cảm nhận được những đường nét thoáng qua, từ đó nhận diện đối tượng chứ không hề được cung cấp những thông số đầy đủ và chi tiết như trong bài thơ vịnh quạt của Xuân Hương.

**1.2. Công năng**

Người xưa làm chiếc quạt giấy thoạt tiên để xua đi nồng nực trong những ngày oi bức, dần dà, quạt cầm tay còn trở thành phong cách của các tiểu thư quý tộc, sĩ tử, văn nhân với nhiều mục đích khác nhau. Thiếu nữ e thẹn nâng quạt che dung mạo của mình, sĩ tử, văn nhân đề thơ lên quạt như một thú vui tao nhã, quạt còn là vật có thể dùng để thề ước:

*Trên giời có vẩy tê tê.*

*Đôi bên ước thề duyên hãy tròn duyên*

*Quạt này trạng để làm tin*

*Đêm nay khép mở tình duyên với nàng*

(Cái quạt - Nguyễn Bính)

Tuy nhiên, khi đi vào thơ, công năng của quạt chủ yếu được nhắc đến ở phương diện tạo ra gió mát. Với Xuân Hương, đó là: *Càng nóng bao nhiêu thời càng mát* hay *Mát mặt anh hùng khi tắt gió*

Thi sĩ Á Nam có phần khẩu khí hơn:

*Ngọn gió nhân từ mong khắp thẳm*

*Ngàn thu phảng phất nước non này*

(Cái quạt giấy I)

hay

*Gió hạ bao phen ơn khổ cứu*

(Khóc cái quạt)

Cảm giác mát mẻ vốn dĩ đến từ sự cảm nhận của xúc giác, nhưng trong cả hai bài thơ, cái mát mẻ xúc giác ấy đã nhanh chóng chuyển sang một hình thái cảm xúc mới.Với Xuân Hương, cái quạt là thú vui khuê phòng, là chuyện của “người trong trướng”, nên nhà thơ đã đi từ cái mát mẻ xúc giác đến cảm giác thỏa mãn về thể xác: “phì phạch trong lòng đã sướng chưa?”. Cái quạt - vì lẽ ấy -trở thành vật được nâng niu, trân quý, là món đồ tùy thân bên mình. Còn với Á Nam, cái mát mẻ riêng tây đã phải nhường chỗ cho ước nguyện về ngọn gió nhân từ có thể xoa dịu cảnh dầu sôi lửa bỏng trên đất nước này. Theo đó, cái quạt của Á Nam lại là cả một khối tình với non sông, mà mỗi một lần khép mở là lại một lần giãi tâm can cùng phủ phế, đền nghĩa núi sông. Một bên là tấc lòng nhi nữ pha đượm niềm kiêu hãnh giới tính, phía còn lại là chí làm trai trong lòng chỉ chứa xã tắc kinh luân, khí khái mà hào sảng.

**2. Cái quạt và những phiên bản trong thơ**

**2.1. Cái quạt - mảnh “hoài niệm phồn thực” trong thơ Xuân Hương**

Thế giới thơ Hồ Xuân Hương là một không gian của biểu tượng, thứ biểu tượng được hiểu theo nghĩa mở rộng như gợi ý của nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy. Xuân Hương đã tự tạo cho mình một thế giới biểu tượng riêng biệt - hầu hết là những sự vật hay đồ vật quen thuộc hàng ngày - và cấp cho chúng những nét nghĩa bổ sung, bên ngoài những ý nghĩa đã được ước định một cách hiển nhiên và trực tiếp. Người đọc sẽ không khó khăn gì để nhận ra, với Xuân Hương, điểm đồng quy của tất cả mọi tầng ý nghĩa là các sinh thực khí hay những hoạt động tính giao.

Không phải ngẫu nhiên mà nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy gọi Hồ Xuân Hương là “người phát ngôn phồn thực”. Đọc thơ của bà, tầng nghĩa trực tiếp cứ thế mà mờ nhạt đi, trong khi cái nghĩa ẩn tàng nghịch ngợm, ra bề không đứng đắn kia cứ chực nhảy xổ ra khỏi bề mặt văn bản mà khiêu khích người đọc. Cái tài hoa của Xuân Hương là cho dẫu người đọc lựa chọn góc quan sát nào, đến với thơ bà bằng tâm tình gì, kết cục họ vẫn đều bị dẫn dụ đến đúng điểm rơi mà bà chúa thơ Nôm mong muốn.

Đỗ Lai Thúy chia các dạng biểu tượng xuất hiện trong thơ Hồ Xuân Hương ra  thành 3 loại (2):

Biểu tượng Yoni, với các hình ảnh so sánh: Hang Cắc Cớ, Động Hương Tích, Đèo Ba Dội (*Cửa son đỏ loét tùm hum nóc/Hòn đá xanh rì lún phún rêu*), cái giếng (*Cầu trắng phau phau hai ván ghép*), cái lỗ (*Cọc nhổ đi rồi lỗ bỏ không*), cái quạt (Chành *ra ba góc da còn thiếu/Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa*).

Dạng biểu tượng thứ hai là Linga, với các hình ảnh giàu tính gợi: quả cau (*Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi*), sừng (*Dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa*), hòn đá (*Đâm toạc chân mây đá mấy hòn*), cọc, dùi trống, hay thậm chí là đầu sư.

Dạng biểu tượng thứ ba là hoạt động tính giao, thể hiện qua hình ảnh đánh đu (*Trai đu gối hạc khom khom cật/Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng*)

Nằm ở nhóm biểu tượng Yoni, cái quạt của Xuân Hương là một trường hợp độc đáo. Chúng tôi gọi đó là “mảnh hoài niệm phồn thực” vì nhiều lẽ. Thứ nhất, nó gợi lên ý niệm về giới nữ, về giống cái; thứ hai, nó ám chỉ vùng kín đáo mang sức hấp dẫn đặc trưng của nữ giới; thứ ba, nó buộc người ta không thể không nghĩ đến câu chuyện sau tấm màn the.

Để “gây nhiễu” một cách nghệ thuật, Xuân Hương sử dụng những cách nói đa nghĩa. “*Mười bảy hay là mười tám đây*” - số nan quạt hay là độ tuổi đẹp nhất, căng mọng nhất của thiếu nữ. “*Mỏng dày chừng ấy chành ba góc...Chành ra ba góc da còn thiếu/ Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa*” - sự miêu tả thể hiện khả năng quan sát tỉ mỉ, tinh tế cũng như tỉ lệ pha trộn khéo léo giữa nghĩa thực và nghĩa liên tưởng. Một trong những biệt tài nữa của Xuân Hương cần được nhắc đến là sự lựa chọn động từ thể hiện tối ưu tính chất, đặc điểm của hành động: chành, cắm, xâu. Bổ trợ về nghĩa cho loạt động từ đó là những cách diễn đạt luyến láy như dính dán, phì phạch, nâng niu... hay những cụm từ liên quan đến nhục thể: má phấn, da, thịt...Xuân Hương đi đến tận cùng của cảm giác khi thể hiện trong thơ mình nỗi niềm mê luyến, sự tham lam không muốn rời bỏ vưu vật: yêu dấu chẳng rời tay, yêu đêm yêu ngày, nâng niu, sướng...

Cái quạt trong thơ Xuân Hương là cái quạt của sự phồn thực vì nó hồn nhiên dân dã, nó gợi những ham muốn thầm kín. Xuân Hương không hướng đến những điều cao vời, nhưng vẫn đầy kiêu hãnh “*Mát mặt anh hùng khi tắt gió/Che đầu quân tử lúc sa mưa....Chúa dấu vua yêu một cái này*”. Đả phá hàng rào lễ giáo, Xuân Hương đã dũng cảm phát ngôn về bản năng, về sức hấp dẫn giới tính không thể phủ nhận và hơn thế nữa, cất tiếng cười nhạo những tấm mặt nạ đạo đức.

Như tất cả những đối tượng miêu tả khác trong thơ Xuân Hương, ý nghĩa thực của cái quạt đã phai màu để nhường chỗ cho những tầng nghĩa mới mẻ. Và từ đó, sẽ không một ai chỉ nghĩ về cái quạt, cái giếng hay quả cau trong thơ Xuân Hương bằng tư duy đường thẳng nữa. Bắt đầu với cái quạt, kết thúc vẫn là cái quạt, nhưng tất cả đều hiểu, đã có một sự chuyển hóa diễn ra trong suốt bài thơ. Điều này cũng có nghĩa là, kể từ khi thơ bắt đầu quan tâm đến phận con ve, cái kiến, âm thanh tiếng cuốc kêu, cái đu hay phiến quạt....thì tất cả chúng đều đã có một cách thể tồn tại mới: tồn tại như là biểu tượng.

**2.2. Cái quạt - phiến sơn hà trong thơ Á Nam Trần Tuấn Khải**

Với Á Nam Trần Tuấn Khải, cái quạt lại là một phương tiện để thể hiện cái tiết tháo thanh cao, ý chí sắt son với nước non nhà. Theo đó, những cụm từ nhà văn sử dụng thường mang sắc thái trang trọng chứ không cợt nhả theo kiểu Xuân Hương: lưng túi kinh luân, tâm can, phủ phế, trâm vàng, xương trắng, tấm lòng viêm nhiệt, mảnh tiên...

Á Nam đã mở rộng bối cảnh của bức tranh vịnh quạt. Nếu như Xuân Hương giới hạn không gian thơ ở chốn khuê phòng thì Á Nam lại mở rộng, phóng lớn chiều kích của không gian và thời gian miêu tả: khắp thẳm, ngàn thu, nước non này, núi sông...Thậm chí, cùng là bức trướng, nhưng trong thơ Xuân Hương, nó là trướng gấm màn the, mà trong thơ Á Nam, nó lại là bức trướng nơi mưu sĩ hiến mưu kế để “đuổi giống văn manh khỏi quấy rầy”.

Xuân Hương nói về những cảm xúc cá nhân, riêng tư. Cái mát lành trong thơ Xuân Hương, là dành cho người trong trướng. Còn Á Nam, lòng ông chứa chan tình cảm với non sông đất nước, vì thế, mỗi một động thái “khép” - “mở”, mỗi một trạng thái “nóng” - “lạnh” đều hướng đến “người” ở ngôi số nhiều, là “muôn dân” đang ngày đêm khát vọng. Chúng tôi xem cái quạt trong thơ Á Nam là một phiến sơn hà vì lẽ đó. Ít nhiều, người đọc liên tưởng đến chiếc quạt phe phất trên tay những bậc hiền tài, mưu sĩ, chiếc quạt thánh hiền, chiếc quạt khí khái. Dễ nhận thấy, nếu như Xuân Hương thiên về yếu tố nhục thể, với những đường nét lồ lộ, giàu giá trị gợi hình thì Á Nam lại thiên về những nét rắn rỏi, cứng cáp, thể hiện ngạo khí cùng cốt cách: xương trắng, mảnh lông hồng, lưng túi kinh luân, mảnh tiên, vầng nguyệt...

Mượn câu chuyện về cái quạt, Á Nam đã thể hiện tấm lòng sắt son của mình đối với đất nước. Thực tế cho thấy, nhiều nhà nghiên cứu có chung một cách nhìn về thơ văn của Á Nam. Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan cho rằng “thi ca của Á Nam Trần Tuấn Khải là thứ thi ca đầy những ý tưởng luân lí...” (3), nhà nghiên cứu Lưu Hồng Sơn khi viết về thơ Á Nam đã thốt lên “giang sơn chất một thuyền tình” (4), nhà văn Nguyễn Đình Thi thì tìm thấy trong thơ Á Nam “khí phách của dân tộc” hay cái “ngọn lửa nghìn năm thấm vào một lớp sĩ phu ở cái thời chúng ta mới mất nước”(5). Hiển nhiên, theo mạch logic vẫn thường thấy đó, Á Nam viết về cái quạt cũng không hề ngoại lệ. Lòng ông chứa chan ước muốn đem ngọn gió của lòng nhân đến cùng khắp. Nếu như Xuân Hương không bỏ qua bất cứ cơ hội nào để gợi nhớ về “cái ấy” thì Á Nam cũng không giờ phút nào quên sứ mệnh của kẻ làm trai đứng giữa núi sông. Luôn luôn, Á Nam bày tỏ thứ tình cảm sắt son bằng những kết cấu cấu mang nghĩa khẳng định, xác quyết, gần như lập thành một thứ “quân lệnh trạng”cho chính mình: *Quyết giãi tâm can cùng phủ phế/Thuwong người nung nấu mới ra tay/Xương trắng mong đền nghĩa núi sông...*

3. Cùng ngâm vịnh về cái quạt, sự tinh nghịch mà thành thật rất phụ nữ của Xuân Hương đặt bên cạnh hùng tâm tráng chí của Á Nam là minh chứng cho sự chi phối không thể phủ nhận của những đặc trưng giới tính, vị trí xã hội, điều kiện sáng tác...của tác giả lên đối tượng thẩm mĩ mà tác giả đang hướng đến. Những phiên bản được sao chụp từ bản gốc chính là cách thức tồn tại mới của đối tượng thẩm mĩ ấy trong lòng độc giả.

Mặc dù cả hai nhà thơ đều không ít lần tỏ bày nguyện vọng hoán đổi giới, nhưng chúng tôi cho rằng, họ đã nhập rất tròn vai của chính mình: một người phụ nữ kiêu hãnh giẫm lên định kiến, thể hiện niềm khao khát yêu đương và cả sự tự hào về thân phận; một người thanh niên ôm ấp suốt đời mình một ngọn bút quan hoài, dẫu lận đận với duyên nợ phù sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1), (3), (4), (5): Hinh Trần Thị Lan, Kim sinh lụy, NXB Văn hóa, văn nghệ TP Hồ Chí Minh, tr.380, 388, 381, 432.

(2). Hà Thủy Nguyên, “Hồ Xuân Hương - Hoài niệm phồn thực” - qua thơ để hiểu về tâm thức dân tộc, https://bookhunterclub.com/ho-xuan-huong-hoai-niem-phon-thuc-qua-tho-de-hieu-ve-tam-thuc-dan-toc/

(6) Đỗ Lai Thúy (1999), Hồ Xuân Hương - hoài niệm phồn thực, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.